

Số: 186 /2019/QĐST-HNGĐ

TP Thái Nguyên, ngày 18 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Hồng D, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ C, phường T, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Hương G, sinh năm 1984;

Địa chỉ: SN P, tổ H, phường D, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Hồng D và chị Nguyễn Hương G

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hồng D và chị Nguyễn Hương G nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các đương sự xác định có 02 (hai) con chung tên

Phạm Hương Mỹ A, sinh ngày 05/01/2008 và Phạm Nam K, sinh ngày 09/10/2013. Sau khi ly hôn các đương sự thỏa thuận chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hương Mỹ A, sinh ngày 05/01/2008 và Phạm Nam K, sinh ngày 09/10/2013, đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh D có quyền đi lại thăm nom con mà không ai có quyền cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D và chị G thỏa thuận, anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hương Mỹ A, sinh ngày 05/01/2008 mỗi tháng là 2.500.000đ, đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi); và cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nam K, sinh ngày 09/10/2013 mỗi tháng là 2.500.000đ đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì anh D còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh D và chị G xác định không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh D tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007458 ngày 22/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- UBND phường Túc Duyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Quý My